

Bản án số: 955/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-8-2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;

Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2719/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 7268/2021/QĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Võ Minh N (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường C, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Bà Tran Thi Thanh P.

Địa chỉ: Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/8/2020 và lời khai của nguyên đơn – ông Võ Minh N thì: Ông và bà Tran Thi Thanh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận F, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 17/02/2017. Sau khi kết hôn, bà Tran Thi Thanh P đã quay về Hoa Kỳ sinh sống, không trở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý xa, bất đồng về văn hóa nên từ tháng 12/20219, giữa Ông và bà Tran Thi Thanh P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên Ông khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Tran Thi Thanh P. Ông và bà Tran Thi Thanh P. Bà và bà Tran Thi Thanh P không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con, tài sản chung, nợ chung. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Ông.

Tòa án đã ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, nơi bị đơn – bà Tran Thi T Phuong cư trú, để tổng đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho bà Tran Thi Thanh P và nhận được Thông báo của cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ về việc tổng đạt không thực hiện được. Do nguyên đơn – ông Võ Minh N không cung cấp được địa chỉ mới của bà Tran Thi Thanh P theo yêu cầu của Tòa án; Tòa án đã yêu cầu cơ quan có Thẩm quyền của Việt Nam và Hoa Kỳ xác minh tin tức, địa chỉ của bà Tran Thi Thanh P nhưng không rõ địa chỉ mới nên theo yêu cầu của nguyên đơn – ông Võ Minh N, Tòa án đã thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa theo quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn – bà Tran Thi Thanh P không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 2, Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 17/02/2017 do Ủy ban nhân dân quận F, Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Minh N với bà Tran Thi Thanh P là hợp pháp. Xét thấy, giữa ông Võ Minh N và bà Tran Thi Thanh P là không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại hai người ở hai nước khác nhau nên không có cơ hội hàn gắn. Tòa án đã thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện N1 tại Hoa Kỳ về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa đối với bà Tran Thi Thanh P nhưng bà Tran Thi Thanh P không có hồi âm. Do đó, việc ông Võ Minh N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Minh N; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Minh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Minh N phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Võ Minh N và bà Tran Thi Thanh P là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Khoản 2, Điều 37; Khoản 2, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Võ Minh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Tran Thi Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Khoản 2, Điều 227; Điều 228; Khoản 5, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Võ Minh N và bà Tran Thi Thanh P.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 17/02/2017 do Ủy ban nhân dân quận F, Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Minh N và bà Tran Thi Thanh P là hợp pháp. Ông Võ Minh N và bà Tran Thi Thanh P đã không chung sống trong thời gian dài; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của ông Võ Minh N có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Minh N trình bày Ông và bà Tran Thi Thanh P không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do ông Võ Minh N khởi kiện yêu cầu ly hôn nên ông Võ Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; Khoản 2, Điều 37; Khoản 2, Điều 38; Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 273 và Khoản 1, 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; Khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân:

Ông Võ Minh N được ly hôn bà Tran Thi Thanh P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh N phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0092240 ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Minh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với ông Võ Minh N và 01 (một) tháng đối với bà Tran Thi Thanh P kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân quận F, TP.H;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (TM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh